

THÔNG BÁO

Về cấp độ dịch của tỉnh Đồng Nai đến ngày 30/12/2021 theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về việc ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Qua xem xét Báo cáo số 1039/BC-KSBT ngày 30/12/2021 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai, Sở Y tế tỉnh Đồng Nai thông báo cấp độ dịch theo quy mô các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 30/12/2021, cụ thể như sau:

STT	Quy mô đánh giá	Phân loại cấp độ dịch
1	Cấp tỉnh: Tỉnh Đồng Nai	- Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)
2	Cấp huyện: 11 huyện, thành phố	- Cấp 1: Không ghi nhận - Cấp 2: 11/11 huyện, thành phố - Cấp 3: Không ghi nhận - Cấp 4: Không ghi nhận
3	Cấp xã: 170 xã, phường, thị trấn	- Cấp 1: 30 xã, phường, thị trấn - Cấp 2: 101 xã, phường, thị trấn - Cấp 3: 39 xã, phường, thị trấn - Cấp 4: Không ghi nhận

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- BGĐ SYT (để báo cáo);
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- UBND các huyện, TP;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV.



Phan Huy Anh Vũ

**Phụ lục: BẢNG PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NGÀY 30/12/2021**

(Đính kèm Thông báo số **11094**/TB-SYT ngày **31** /12/2021 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
I. THÀNH PHỐ BIÊN HÒA			x		
1	An Bình		x		
2	An Hoà		x		
3	Bình Đa		x		
4	Bửu Hòa		x		
5	Bửu Long		x		
6	Hiệp Hòa		x		
7	Hố Nai		x		
8	Hóa An		x		
9	Hòa Bình		x		
10	Long Bình		x		
11	Long Bình Tân		x		
12	Long Hưng		x		
13	Phước Tân			x	
14	Quang Vinh		x		
15	Quyết Thắng		x		
16	Tam Hiệp		x		
17	Tam Hoà		x		
18	Tam Phước	x			
19	Tân Biên		x		
20	Tân Hạnh	x			
21	Tân Hiệp		x		
22	Tân Hòa	x			
23	Tân Mai			x	
24	Tân Phong			x	
25	Tân Tiến		x		
26	Tân Vạn		x		
27	Thanh Bình		x		
28	Thống Nhất		x		
29	Trảng Dài		x		
30	Trung Dũng		x		
II. HUYỆN TRẢNG BOM			x		
1	An Viễn			x	
2	Bàu Hàm	x			
3	Bình Minh		x		
4	Bắc Sơn		x		
5	Cây Gáo		x		
6	Giang Điền		x		



STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
7	Hưng Thịnh			x	
8	Hố Nai 3		x		
9	Quảng Tiến		x		
10	Sông Thao	x			
11	Sông Trầu		x		
12	Thạch Bình			x	
13	TT Trảng Bom			x	
14	Trung Hòa			x	
15	Tây Hòa	x			
16	Đông Hòa			x	
17	Đội 61	x			
III	HUYỆN VĨNH CỬU		x		
1	Bình Hòa			x	
2	Bình Lợi		x		
3	Tân An		x		
4	Trị An		x		
5	Vĩnh Tân		x		
6	TT Vĩnh An			x	
7	Mã Đà			x	
8	Hiếu Liêm			x	
9	Phú Lý			x	
10	Tân Bình			x	
11	Thạnh Phú		x		
12	Thiện Tân			x	
IV	THÀNH PHỐ LONG KHÁNH		x		
1	Xuân Trung		x		
2	Xuân An		x		
3	Xuân Thanh			x	
4	Xuân Hòa			x	
5	Xuân Bình			x	
6	Phú Bình		x		
7	Bàu Trâm			x	
8	Xuân Tân			x	
9	Hàng Gòn	x			
10	Bàu Sen		x		
11	Suối Tre		x		
12	Xuân Lập		x		
13	Bình Lộc		x		
14	Bảo Vinh		x		
15	Bảo Quang		x		
V	HUYỆN XUÂN LỘC		x		

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
1	TT Gia Ray		x		
2	Xuân Hiệp		x		
3	Xuân Hòa	x			
4	Xuân Thành		x		
5	Suối Cát		x		
6	Xuân Hưng		x		
7	Xuân Tâm		x		
8	Bảo Hòa	x			
9	Xuân Phú		x		
10	Xuân Trường		x		
11	Xuân Thọ		x		
12	Xuân Bắc	x			
13	Suối Cao	x			
14	Lang Minh	x			
15	Xuân Định	x			
VI. HUYỆN CẨM MỸ			x		
1	TT Long Giao		x		
2	Bảo Bình			x	
3	Lâm Sơn		x		
4	Nhân Nghĩa		x		
5	Sông Nhạn		x		
6	Sông Ray			x	
7	Thừa Đức		x		
8	Xuân Bảo		x		
9	Xuân Đông			x	
10	Xuân Đường		x		
11	Xuân Mỹ			x	
12	Xuân Quế		x		
13	Xuân Tây			x	
VII. HUYỆN LONG THÀNH			x		
1	An Phước			x	
2	Tam An			x	
3	Long Đức		x		
4	TT Long Thành		x		
5	Lộc An			x	
6	Bình Sơn		x		
7	Bình An		x		
8	Cẩm Đường		x		
9	Long An			x	
10	Long Phước	x			
11	Bàu Cạn		x		
12	Tân Hiệp		x		

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
13	Phước Thái		X		
14	Phước Bình		X		
VIII. HUYỆN NHƠN TRẠCH			X		
1	TT Hiệp Phước			X	
2	Phước Thiện			X	
3	Phú Hội		X		
4	Long Tân		X		
5	Phú Thạnh	X			
6	Đại Phước		X		
7	Phú Hữu		X		
8	Phú Đông	X			
9	Vĩnh Thanh			X	
10	Phước Khánh			X	
11	Phước An		X		
12	Long Thọ			X	
IX. HUYỆN TÂN PHÚ			X		
1	TT Tân Phú		X		
2	Phú Thạnh			X	
3	Phú Xuân		X		
4	Phú Lâm			X	
5	Thanh Sơn			X	
6	Phú Bình		X		
7	Phú Trung	X			
8	Phú Sơn		X		
9	Phú Điền		X		
10	Trà Cổ		X		
11	Phú Lộc			X	
12	Phú Thịnh			X	
13	Phú Lập		X		
14	Tà Lài	X			
15	Núi Tượng		X		
16	Nam Cát Tiên		X		
17	Phú An		X		
18	Đắc Lúa	X			
X	HUYỆN ĐỊNH QUÁN		X		
1	Phú Hòa	X			
2	Phú Tân		X		
3	Phú Lợi	X			
4	Phú Vinh			X	
5	Gia Canh		X		
6	TT Định Quán	X			

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
7	Ngọc Định	x			
8	Thanh Sơn		x		
9	Phú Ngọc			x	
10	La Ngà	x			
11	Phú Túc			x	
12	Túc Trung		x		
13	Phú Cường		x		
14	Suối Nho	x			
XI	HUYỆN THỐNG NHẤT		x		
1	Gia Tân 1		x		
2	Gia Tân 2		x		
3	Quang Trung		x		
4	Bàu Hàm 2		x		
5	Hung Lộc		x		
6	Lộ 25		x		
7	Gia Tân 3		x		
8	Xuân Thiện		x		
9	Gia Kiệm		x		
10	TT Dầu Giây		x		

